**NGUOIDUNG:** ID\_USER, MATKHAU, VAITRO

Tân từ: ID\_USER: tên đăng nhập, MATKHAU: mật khẩu đăng nhập, VAITRO: vai trò người dùng (bao gồm vai trò quản lý, nhân viên , khách hàng).

**KHACHHANG** (MAKH, HOTEN, DCHI, SODT, NGSINH, NGDK, DOANHSO)

*Tân từ*: Quan hệ khách hàng sẽ lưu trữ thông tin của khách hàng thành viên gồm có các thuộc tính: mã khách hàng, họ tên, địa chỉ, số điện thoại, ngày sinh, ngày đăng ký và doanh số (tổng trị giá các hóa đơn của khách hàng thành viên này).

**NHANVIEN** (MANV, HOTEN, NGSINH, NGVL, SODT)

*Tân từ*: Mỗi nhân viên bán hàng cần ghi nhận họ tên, ngày sinh, ngày vào làm, điện thọai liên lạc, mỗi nhân viên phân biệt với nhau bằng mã nhân viên.

**HOADON** (SOHD, NGHD, MAKH, MANV, TRIGIA, TRANGTHAI, PTTT)

*Tân từ*: Khi mua hàng mỗi khách hàng sẽ nhận một hóa đơn tính tiền, trong đó sẽ có số hóa đơn, ngày mua, nhân viên nào bán hàng, trị giá của hóa đơn là bao nhiêu, trạng thái của hóa đơn (đã xác nhận, chưa xác nhận, đã thanh toán, chưa thanh toán, bị hủy), phương thức thanh toán (online, offline) và mã số của khách hàng nếu là khách hàng thành viên.

**CTHD** (MA\_CTHD, SOHD, MAMONAN, SOLUONG, GHICHU)

*Tân từ*: Mỗi chi tiết hóa đơn cần ghi nhận mã chi tiết hóa đơn, số hóa đơn, mã món ăn, số lượng món ăn, ghi chú của khách hàng (nếu có).

**MONAN** (MAMONAN, TEN\_MA, LOAI, DVT, GIA)

*Tân từ*: Mỗi món ăn có một mã số, một tên gọi, loại món ăn, đơn vị tính, và giá bán.

**BAN (**MA\_BAN, TEN\_BAN, VITRI, TRANG\_THAI)

*Tân từ:*MA\_BAN: mã bàn , TEN\_BAN: tên bàn, VITRI: vị trí bàn, TRANG\_THAI: trạng thái bàn(chưa phục vụ, đang phục vụ),

**VOUCHER** (MA\_VOUCHER, TEN\_VOUCHER, PHANTRAM, NGAY\_BD, NGAY\_KT)

*Tân từ:* ID\_VOUCHER: mã voucher, TEN\_VOUCHER: tên voucher,PHANTRAM: mức độ áp dụng voucher, NGAY\_BD: ngày bắt đầu áp dụng voucher, NGAY\_KT: ngày hết hạn voucher.